

## DI SẢN VĂN HÓA VÀ THIÊN NHIÊN VIỆT NAM - NGUỒN TRI THỨC VÔ TẬN ĐỂ HỌC TẬP SUỐT ĐỜI

NGUYỄN VĂN HUY  
PHẠM KIM NGÂN

Việt Nam là một quốc gia có rất nhiều tiềm năng trong việc sử dụng, khai thác di sản như một công cụ hữu hiệu cho học tập suốt đời. Vấn đề đặt ra là nguồn tri thức vô giá này và các thiết chế kèm theo với nó đã được sử dụng cho việc học tập như thế nào ở Việt Nam hiện nay và trong tương lai nó cần được định hướng khai thác như thế nào để phục vụ cho mục tiêu nâng cao dân trí và để mở thêm một cánh cửa giúp cho việc thúc đẩy học tập của các tầng lớp nhân dân? Những cơ hội và thách thức nào trong việc tiếp cận di sản cho việc học tập suốt đời ở Việt Nam? Tại sao vấn đề tiếp cận di sản như một nguồn để học tập chưa được các cơ quan, tổ chức xã hội cũng như người dân quan tâm và đầu tư đúng mức cả về định hướng chiến lược lẫn phương pháp thực hiện? Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi đưa ra một vài nhận định và kiến giải làm cơ sở bước đầu cho việc định hướng sử dụng tiềm năng di sản vô tận đó trong việc học tập suốt đời ở Việt Nam.

### **1. Thực trạng vấn đề tiếp cận di sản và các thiết chế liên quan đến di sản hiện nay cho việc học tập và học tập suốt đời ở Việt Nam**

Di sản văn hóa và di sản thiên nhiên ở Việt Nam vô cùng phong phú và đa dạng. Có thể kể đến 6 di sản văn hóa và thiên nhiên thế

giới (Quần thể di tích Cố đô Huế, Vịnh Hạ Long, Phố Cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng); 2 Khu bảo tồn và sinh quyển thế giới; 5 di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại (Nhã nhạc cung đình Huế; Không gian văn hóa Cồng Chiêng Tây Nguyên; Không gian văn hóa Quan họ Bắc Ninh; Ca trù và Hội Gióng); trên 3.000 di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh cấp quốc gia; hàng triệu mẫu vật, di vật, cổ vật và bảo vật quốc gia được lưu giữ trong hơn 120 bảo tàng và các sưu tập tư nhân; và rất nhiều các di sản văn hóa phi vật thể của 54 dân tộc anh em ở Việt Nam.

Rõ ràng, đây là một nguồn tri thức vô cùng lớn cho việc học tập nâng cao tri thức của mọi người, đặc biệt là thế hệ trẻ. Thế nhưng, toàn bộ lượng tri thức đồ sộ này còn chưa được sử dụng có hiệu quả cho việc học tập, nâng cao kiến thức<sup>1</sup>. Hệ thống bảo tàng Việt Nam khá đa dạng về loại hình: lịch sử, dân tộc học, địa chất học, hải dương học... nhưng hầu như chưa được khai thác đúng mức cho việc học tập. Lượng khách đến bảo tàng từ vài trăm lượt người/ngày trở lên chỉ có ở một vài bảo tàng tập đầu như: Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Lịch sử quân sự, Bảo tàng Dân tộc học, Bảo tàng

<sup>1</sup> Có 2 vấn đề cần phân biệt: di sản = cung cấp tri thức; bảo tàng = cung cấp phương tiện để tiếp cận tri thức.

Chúng tích chiến tranh ở TP. Hồ Chí Minh... Số còn lại mỗi ngày chỉ đón vài chục lượt khách, thậm chí có bảo tàng cấp tỉnh vài tháng không có khách đến tham quan. Công chúng đến với bảo tàng theo kiểu “cưỡi ngựa xem hoa” chứ không phải đến để học và nghiên cứu, kể cả đối với học sinh và sinh viên. Khách đến bảo tàng chủ yếu đi theo đoàn, theo nhóm gồm những cán bộ, học sinh, và rất ít người đi cá nhân hay theo gia đình. Trong nhiều trường hợp, các đoàn thăm bảo tàng chỉ vì mục đích giáo dục truyền thống. Việc khai thác giá trị của các di tích cũng có tình trạng tương tự. Người ta đến với di tích nếu không vì mục đích như tôn vinh, tưởng nhớ, tưởng niệm thì với cá nhân cũng dừng lại ở mức độ thỏa mãn nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng.

Tình hình trên cho thấy một thực trạng có thể dễ dàng nhận ra là các cơ quan, tổ chức xã hội ở Việt Nam hiện nay, cũng như đa phần công chúng cả người lớn và người trẻ tuổi đều chưa biết sử dụng các thiết chế văn hóa này để giúp cho việc học tập và nâng cao trình độ hiểu biết về nhiều lĩnh vực khác nhau. Công chúng Việt Nam chưa có thói quen đi thăm bảo tàng hoặc tiếp cận các bảo tàng, di tích thông qua việc khai thác sâu các thông tin có ở đây để nâng cao kiến thức cho bản thân mình. Mọi người đến với bảo tàng, di tích chủ yếu theo phong trào, đến chỉ để “nhìn” và “xem” hoặc thỏa mãn nhu cầu tâm linh (như cầu xin điều gì đó ở các di tích thuộc thể loại đình, chùa) chứ không thấy đây là một cơ hội để có thể tìm hiểu, nâng cao tri thức của mình. Đây là điểm khác biệt căn bản giữa Việt Nam và các nước phát triển trên thế giới khi đi thăm các di tích lịch sử - văn hóa. Ở các nước này,

mục tiêu lớn nhất của công chúng khi đến với di sản không những chỉ để thỏa trí tò mò, chiêm ngưỡng vẻ đẹp mà còn để tăng thêm hiểu biết, nâng cao tri thức cho bản thân, cho con cái và học sinh của họ.

## **2. Nguyên nhân của việc di sản chưa được khai thác đúng mức cho mục đích học tập, nâng cao dân trí**

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến người Việt Nam “thờ ơ” với nguồn tri thức dồi dào từ di sản và các thiết chế quản lý di sản như bảo tàng. Có thể dẫn ra như:

- Chúng ta chưa có cái nhìn toàn diện tổng thể về di sản: chú ý đến vật thể nhiều hơn phi vật thể; chú ý đến lịch sử văn hóa nhiều hơn thiên nhiên, khoa học kỹ thuật; chú ý vật thể, vật chất nhiều hơn chú ý đến thông tin, tinh thần; chú ý di sản của quá khứ hơn là di sản sống và không gian văn hóa.

- Chưa nhận dạng đầy đủ và sâu sắc về giá trị di sản để xác định các cơ hội, điều kiện cho học tập suốt đời.

- Chưa có phương pháp phối hợp giữa thiết chế giáo dục và thiết chế văn hóa trong việc cùng thực hiện một mục tiêu chiến lược mà UNESCO khởi xướng đó là học tập suốt đời.

...

Chúng ta hãy cùng thử phân tích một vài nguyên nhân cơ bản.

Trước hết, chúng tôi nhận thấy vẫn còn tồn tại sự nhận thức cố hữu, phiến diện từ trước đến nay không chỉ của công chúng mà cả của giới lãnh đạo, các nhà giáo dục, rằng: Bảo tàng và di tích chỉ là nơi giáo dục truyền thống, giáo dục lịch sử, nâng cao ý thức

chính trị và đạo đức<sup>2</sup>, trong khi đó người ta có thể khai thác cho việc học tập ở bảo tàng, di tích rất nhiều khía cạnh, nhiều lĩnh vực khác nhau.

Hai là, bản thân những người nghiên cứu và quản lý di sản cũng chưa biết cách tạo ra các công cụ hữu hiệu giúp cho xã hội khai thác tốt nhất hệ thống các di sản mà mình đã và đang quản lý.

Thiếu thông tin cho các hiện vật trưng bày trong bảo tàng, các thông tin cần biết về di tích và các giá trị văn hóa phi vật thể gắn liền với nó là nguyên nhân đầu tiên mà các bảo tàng và di tích ở Việt Nam khó có thể là đối tượng để khai thác, sử dụng làm công cụ học tập hữu hiệu cho công chúng.

Quả thực, phần lớn các bảo tàng Việt Nam đều mới dừng lại ở việc trưng bày hiện vật. Quan niệm bản thân hiện vật đã tự nói lên giá trị của nó làm cho các nhà bảo tàng thiếu quan tâm đến việc cung cấp cho công chúng những thông tin về bối cảnh, về câu chuyện hiện vật - giá trị cốt lõi để công chúng có thể học và nghiên cứu. Nói một cách khác, những thông điệp của cuộc trưng bày phản ánh kết quả nghiên cứu khoa học không được cung cấp cho công chúng hoặc hàm lượng khoa học của các trưng bày không cao. Một quan điểm sai lầm nữa làm ảnh hưởng đến tác dụng tích cực của thiết chế này là bảo tàng phải hàn lâm, là nơi tôn vinh, cần trang nghiêm nên đến bảo tàng công chúng không được tham gia trải

nh nghiệm, khám phá. Mà học thông qua trải nghiệm lại là một phương pháp tiếp thu kiến thức tốt nhất, đặc biệt đối với thế hệ trẻ.

Giống như các bảo tàng, hệ thống các di tích lịch sử và văn hóa ở Việt Nam cũng ở tình trạng tương tự. Rất khó tìm thấy tại di tích các tài liệu nói về di tích ấy một cách đầy đủ và khoa học. Cũng khó tìm thấy ở đó những bản chỉ dẫn hay những pano có thông tin về di tích và những di sản phi vật thể gắn liền với nó. Ngay cả những di tích văn hóa nổi tiếng mang tính quốc gia như chùa Dâu, chùa Bút Tháp (Bắc Ninh) cũng không hề tìm thấy trong hay cạnh đó những pano cung cấp cho người đến thăm những thông tin cần thiết và phong phú, không một quầy sách nhỏ chuyên bán những xuất bản phẩm giới thiệu các thông tin về giá trị của chính di tích. Ở nhiều ngôi chùa có bề dày lịch sử và văn hóa nhưng hoàn toàn thuần túy chỉ mới là những địa chỉ mang tính tâm linh. Nếu muốn tìm hiểu thì chỉ có thể thông qua hướng dẫn viên hoặc thông qua một vài ấn phẩm được bán trong một số hiệu sách tại Hà Nội. Làng cổ Đường Lâm cũng trong tình trạng tương tự. Ngay như với Hội Gióng vừa được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại thì cũng chỉ có vài ba tài liệu rất sơ sài bán trong ngày hội. Công chúng đến với Hội Gióng cũng mới chỉ dừng ở mức thỏa mãn về nhu cầu tâm linh mà thôi. Còn các thông tin về nội dung ngày hội và những giá trị văn hóa đích thực của nó có lẽ ngoài các nhà nghiên cứu văn hóa ra thì công chúng cũng khó có thể tìm và tiếp cận được.

Tương tự như vậy, các di tích thời hiện đại/cách mạng cũng chịu chung số phận chỉ là nơi công chúng thỉnh thoảng ghé qua

<sup>2</sup> Kế hoạch liên ngành số 7575/KHLN/BGDĐT-BVHTTDL-TUĐTN ngày 19/8/2008 giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, và Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về việc triển khai phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

trong những dịp kỷ niệm nào đó để thực hiện những nhiệm vụ chính trị của đơn vị, tổ chức. Ví dụ như Di tích lịch sử ngôi nhà 48 Hàng Ngang - nơi Hồ Chủ tịch đã viết Bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, hay ngôi nhà số 90, phố Hàng Bông Thọ Nhuộm, nơi đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi thảo Luận cương chính trị năm 1930 hoặc ngôi nhà 5D Hàm Long, nơi chi bộ Cộng sản đầu tiên được thành lập ở Việt Nam. Đây là ba di tích lịch sử cách mạng quan trọng của Hà Nội nhưng hầu như không có khách đến tham quan. Nguyên nhân chính vẫn là thiếu sự quan tâm của các cơ quan quản lý văn hóa, trưng bày thiếu thông tin và kỹ thuật trưng bày kém. Nếu như toàn bộ các tòa nhà đó được sử dụng để trưng bày với đầy đủ bối cảnh, thông tin về chủ nhân của các gia đình đó, cuộc sống của họ và thông tin về chính hai vị lãnh tụ cách mạng cùng những nhà cách mạng vào thời điểm đó, thì chắc chắn, đây sẽ là nơi để công chúng đến khai thác, học rất tốt về lịch sử Việt Nam giữa thế kỷ 20.

Các di sản thiên nhiên ở nước ta cũng vậy. Trong khuôn viên của mỗi di sản này không có nhà bảo tàng hay phòng trưng bày giới thiệu một cách khoa học về những vấn đề liên quan tới giá trị của các di sản, cung cấp những thông tin về di sản thiên nhiên nên tính giáo dục mỗi khi tới thăm di sản này không cao. Một thực tế cho thấy: thiếu thông tin và không hấp dẫn trong các bảo tàng và di tích, di sản thì khó có thể lôi cuốn công chúng quay trở lại lần thứ hai chứ đừng nói để họ đến khai thác như một công cụ/nguồn nâng cao tri thức, học tập cho trẻ em và người lớn.

Các giá trị tri thức dân gian được kết tinh trong các nghề nghiệp như trồng lúa, đánh cá, trong các nghề thủ công truyền thống cũng như trong các hoạt động văn nghệ dân gian hoặc tri thức y học dân gian cũng chưa được chú ý để trở thành một nguồn học tập. Đây cũng là một thiếu sót lớn.

Một nguyên nhân nữa khiến cho các bảo tàng, di tích Việt Nam chưa trở thành đối tượng để công chúng sử dụng với mục tiêu học suốt đời, đó là: công tác truyền thông và marketing yếu. Với các di sản ở Việt Nam, các ngành như du lịch và văn hóa mới chỉ chú trọng “hướng ngoại” mà ít chú ý “hướng nội”. Rất hiếm những tour du lịch theo các chủ đề khám phá hấp dẫn dành khách tham quan trong nước. Những tour du lịch trải nghiệm làm nông dân, làm thợ thủ công, làm người nội trợ nấu những món ăn truyền thống... được xây dựng và rất hấp dẫn khách du lịch nước ngoài. Nhưng những tour du lịch khám phá, trải nghiệm tương tự dành cho khách thăm quan trong nước lại không được đầu tư xứng đáng. Bên cạnh đó, các bảo tàng, di tích ở Việt Nam cũng chưa quan tâm đúng mức đến việc xây dựng và làm sống động các website của mình. Việc xây dựng hệ thống website với những trưng bày ảo, những bảo tàng ảo, giới thiệu di sản một cách kỹ lưỡng để có thể tra cứu, học tập không chỉ giúp công chúng có thêm nguồn tri thức mỗi khi cần tra cứu, mà còn là cách để các bảo tàng, di tích giới thiệu, quảng bá mình đến công chúng, thu hút công chúng đến với mình.

Đó là những nguyên nhân cơ bản về phía ngành văn hóa. Còn về phía ngành giáo dục và nhà trường thì sao?

Điều đầu tiên dễ nhận thấy nhất là nhà trường chưa coi trọng việc dạy học sinh biết cách học những gì ở xung quanh ta; học qua kinh nghiệm của những người nắm giữ di sản và học về cuộc sống, học về văn hóa của những người, những cộng đồng gần gũi, bên cạnh chúng ta; học các di sản gần gũi với học sinh và ở ngay xung quanh trường. Không phải ở đâu cũng có bảo tàng. Bảo tàng mới chỉ có ở các thành phố nhưng di sản và những tri thức dân gian (tri thức về thiên nhiên, tri thức về nghề nghiệp, tri thức về nghề thủ công, tri thức về y học dân gian...) và tri thức về cuộc sống và bản sắc văn hóa địa phương thì ở đâu cũng có, có ở bất kỳ làng xóm nào dù ở đồng bằng, miền biển hay miền núi xa xôi. Nếu nhận thức được và biết cách khai thác các tri thức này, văn hóa này cho cuộc sống của mỗi người thì đây là nguồn tri thức vô tận vừa phong phú vừa đa dạng để học tập cho bất cứ người nào, dù trẻ hay già, nam hay nữ.

Các trường học hiện nay tiếp cận khai thác bảo tàng, di tích đa phần thiếu tính sư phạm là một nguyên nhân rất quan trọng dẫn đến việc coi thường các chuyến thăm quan bảo tàng. Người ta tổ chức các chuyến thăm bảo tàng thường chỉ để hoàn thành một công việc phải làm trong chương trình quy định của nhà trường. Việc các trường học tổ chức các chuyến thăm quan nhiều bảo tàng, di tích trong cùng một ngày, cùng một lần hoặc với số lượng đông (hàng mấy trăm, có khi trên dưới 1.000 người) là điều không hiếm gặp, làm học sinh mệt mỏi, đưa lại hiệu quả rất thấp, thực chất là không mang tính sư phạm. Nói chung các trường học chưa biết phương pháp đưa học sinh tiếp cận bảo tàng một cách có hiệu quả. Chúng ta hãy cùng đọc một đoạn phản ánh

của tác giả Quốc Linh, trên báo Tuổi trẻ thành phố Hồ Chí Minh về thực trạng học sinh đối với bảo tàng trong bài “Hờ hững với bảo tàng”: “Bà Xuân Cảnh - Phó giám đốc Bảo tàng Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh cho biết: Ở đây hay đón tiếp học sinh ở các trường quốc tế, các em đến rất trật tự và được các cô tổ chức tham quan nghiêm túc lắm. Còn các trường của mình thỉnh thoảng cũng có, mỗi lần đến có khi cả mấy trăm em, nhưng không phải em nào cũng muốn mà đi vì bắt buộc thôi. Bà kể không ít lần có những học sinh cầm giấy thông hành đến phòng vé bảo rằng sẵn sàng trả tiền vé và chỉ cần đóng giùm vào tờ giấy con dấu của bảo tàng để chúng thực mình đã đến đây đăng về báo cáo, chứ thật bụng... không muốn tham quan chút nào. Tình trạng tương tự cũng được nhiều cán bộ hướng dẫn của một số bảo tàng tại TP. HCM phản ánh. Giám đốc Bảo tàng Chứng tích chiến tranh Huỳnh Ngọc Vân thắc mắc không hiểu sao nhiều người nước ngoài khi du lịch tại TP. HCM luôn tìm đến đây tham quan, trong khi nhiều học sinh học các trường không xa bảo tàng là mấy lại chẳng thiết bước chân vào, hoặc có vào cũng chỉ đi qua quýt vài chỗ rồi ra về. Về phía các em học sinh thì: Bạn Nguyễn H. (học sinh một trường THPT ở Q.5) thảng thốt: “Tôi có thích đến mấy chỗ đó đâu nhưng vì được phát tờ giấy bắt đi, đóng dấu để báo cáo nên đến cho có cái dấu thôi. Vô đó sao vui bằng đi chơi mấy chỗ khác được”. Chúng tôi cũng gặp những phản ứng như thế khi tìm đến không ít bảo tàng khác của TP. “Tôi với đám bạn thấy rảnh thì rủ nhau đi, đóng cái dấu cho xong nhiệm vụ, không quan tâm trong đó có gì”, Ngọc M. (nữ sinh Trường THPT Đ, Q.3) cười tỉnh queo (<http://tuoitre.vn/Nhip-song-tre/413925/Ho-hung-voi-bao-tang.html>).

Tất cả các câu chuyện trên muốn thay đổi thì không ai khác, chính ngành giáo dục và ngành văn hóa phải thay đổi nhận thức và bắt tay ngay vào việc sửa chữa và khắc phục các nguyên nhân kể trên. Vậy có những khả năng và những bài học nào có thể làm được để gắn việc học suốt đời với di sản?

### **3. Một số kinh nghiệm đầu tiên với việc tiếp cận di sản trong học tập suốt đời ở Việt Nam**

Đi tiên phong trong việc khắc phục những nhược điểm trên của các bảo tàng ở nước ta phải kể đến Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (BTDTHVN). Công việc này được kiên trì triển khai từng bước trong suốt gần 15 năm qua. Trên hệ thống trưng bày thường xuyên (từ năm 1997) của Bảo tàng đã rất chú ý đến vấn đề thông tin nên đã tạo nên 3 cấp độ thông tin, bao gồm bài viết giới thiệu chung cho cả phần trưng bày, bài viết giới thiệu chung cho từng tủ trưng bày và chú thích giới thiệu từng hiện vật. Theo Pauline Turner Strong, các bài viết có tác dụng “đặt các hiện vật trưng bày trong một loạt bối cảnh xã hội, văn hóa, lịch sử, tư liệu mà chỉ một trong số đó thực sự hiện hữu trong tủ trưng bày hay trong phòng trưng bày” (Strong, 1997, tr. 42). Vì vậy, bài viết trưng bày bảo tàng không chỉ nói về những hiện vật được trưng bày, cung cấp những thông tin mang tính giải thích mà còn truyền tải thông điệp của các chủ thể văn hóa. Mỗi phần trưng bày đều có bài viết giới thiệu chung về phần đó, và một hoặc nhiều bài viết về những chủ đề cụ thể. Chính điều này đã góp phần tạo nên sức hút của Bảo tàng đối với khách tham quan đến với Bảo tàng không phải theo phong trào, mà thực sự họ muốn đến khám phá, tìm hiểu sâu về văn

hóa và về các dân tộc ở Việt Nam. Nó cũng tạo điều kiện cho những công chúng muốn đến Bảo tàng tự học tập chứ không muốn đến để nghe người khác “thuyết trình” áp đặt những thông tin cho mình.

Bảo tàng Dân tộc học cũng là bảo tàng đầu tiên đưa ra kinh nghiệm về mối quan tâm đến việc công chúng học bằng cách trải nghiệm. Nghĩa là, ở đây, công chúng là người học “chủ động” chứ không còn là người nghe “thụ động” nữa. Công chúng được tiếp cận thông tin nhiều chiều, nhiều cách để tự mình rút ra những kết luận, những bài học, những kiến thức mới cho mình. Công chúng được giao lưu, đối thoại trực tiếp với những nghệ nhân, những người thợ thủ công, những con người bình thường trong xã hội trong các dịp họ được mời đến bảo tàng trình diễn hay chính họ là những người thầy hướng dẫn học sinh trong lớp tập huấn về nghề làm gốm, đan lát hoặc làm các đồ chơi Trung thu hoặc kể về những thách thức trong cuộc sống của họ và những cách họ đã vượt qua thách thức ấy (như cuộc giao lưu với người La Ha, một dân tộc có dân số rất ít đang mất dần tiếng nói riêng của mình). Những cuộc đối thoại như vậy ở Bảo tàng đều góp phần nâng cao nhận thức của cả hai phía, cả khách thăm quan lẫn chủ thể văn hóa.

Đối tượng quan tâm đầu tiên của Bảo tàng là những công chúng nhỏ tuổi. Năm 2001, BTDTHVN phát triển tập tài liệu đầu tiên dành cho trẻ em sử dụng trong quá trình thăm quan các gian trưng bày, kèm theo hiện vật đặt trong những hộp khám phá. Những hiện vật này dành riêng cho mục đích giáo dục nên các em có thể sờ mó và cảm nhận được chúng. Từ kết quả thử nghiệm này, bảo tàng đã phát triển thành một Phòng khám

phá dành cho trẻ em. Ở đó, các em được tìm hiểu và thực hành các nghề thủ công truyền thống như nhuộm chàm, in tranh Đông Hồ, dệt vải... Phòng này hiện vẫn là tâm điểm thu hút sự quan tâm đặc biệt của các em. Thông qua những hoạt động trực quan như vậy, bảo tàng khuyến khích các em tham gia vào quá trình học tập chủ động, tạo cơ sở cho các em trở lại bảo tàng nhiều lần. Cuộc trưng bày nho nhỏ về làng thuốc nam Đại Yên và cây thuốc nam ở Bảo tàng (năm 2003) giúp cho những người đến thăm quan hiểu thêm giá trị hữu dụng của cây thuốc nam, của những cây cỏ xung quanh chúng ta, biết trân trọng những bà hàng lá ở các chợ chuyên bán những lá thuốc giải các căn bệnh thông thường cho trẻ em và người lớn như rôm sảy, ngứa, đau bụng, cảm, sốt... Trẻ em được sờ, ngửi từng lá thuốc, từng loại cây thuốc, tiếp cận các thông tin về chúng, công dụng của chúng. Cách tiếp cận này làm nhiều người nhớ mãi.

Sự trải nghiệm này không chỉ gây hứng thú cho các công chúng trẻ tuổi mà ngay cả đối với công chúng lớn tuổi thì cũng giúp cho họ có thêm những tri thức thực tế hơn. Ngay bản thân chúng tôi cũng vô cùng ấn tượng khi được trải nghiệm trong một bảo tàng mang tên *Đêm yên lặng* ở London, Anh. Khi bước chân vào đó, mọi thứ trong ngôi nhà bảo tàng tạo cho người xem cảm giác người chủ của nó vừa mới ra ngoài vài phút trước. Ta ngửi thấy mùi của bếp củi đang cháy, mùi cà phê thơm thơm từ tách cà phê đang uống dở trên bàn; bộ pijama mới thay vắt cầu thả trên chiếc ghế bành của phòng ngủ; tiếng nói chuyện của những người hàng xóm... Chính trong khoảng khắc ấy, khách thăm quan cảm thấy không chỉ có

được đặc ân mà đó còn là một cơ hội tràn đầy để được đến dù chỉ một phút thôi một thế giới đã mất. Đó là một trải nghiệm mang tính giáo dục được thực hiện ngay từ cách trưng bày theo kiểu nghệ thuật sắp đặt của một bảo tàng. Trải nghiệm trong chính trưng bày và tổ chức các hoạt động thường xuyên của Bảo tàng là một trong những điểm quan trọng để khai thác các giá trị di sản trong quá trình học tập suốt đời. Bảo tàng Dân tộc học ban đầu là thử nghiệm rồi thường xuyên tổ chức các hoạt động trình diễn và biểu diễn mà nhân vật chính là các chủ thể văn hóa, những người bình thường nắm giữ di sản hoặc là một nghề thủ công như nghề làm gốm, dệt thổ cẩm, đan lát, làm đồ chơi Trung thu, nặn tò he hay nghề đan thuyền nan hoặc những thầy thuốc dân gian như các bà bán thuốc nam ở các chợ Hôm, Cửa Nam, làng thuốc Nam Đại Yên...; các hoạt động biểu diễn của các nghệ nhân dân gian múa rối nước, hát chèo tàu... Những hoạt động này đã thu hút được đông đảo công chúng, cả trẻ em và người lớn. Người ta đến một cách tự nguyện, họ đi theo gia đình, bố mẹ cùng con cái hay cả ông bà và dần dần trở thành khách thường xuyên của bảo tàng, thành nhu cầu của gia đình. Sở dĩ vậy vì mỗi lần đến bảo tàng họ được tiếp nhận thêm kiến thức mới, quan hệ mới, hơn nữa vì đến đây không những họ được trải nghiệm, được xem, được giao lưu, được tiếp nhận nhiều kiến thức và hiểu biết mới mà còn là dịp hiếm hoi để gia đình cùng đi chơi, cùng chia sẻ, cảm thông giữa các thế hệ. Chính vì những hoạt động kiểu như vậy mà công chúng đến bảo tàng tăng lên nhanh chóng từ 132.000 khách/năm (2004) đến 450.000 khách/năm (2009).

BTDTHVN cũng thường tổ chức các cuộc thuyết trình, tọa đàm của các chuyên gia gắn với các trưng bày hay hoạt động trình diễn, biểu diễn. Chẳng hạn khi trưng bày về G. Condominas và người Mnong Gar (2007), trưng bày “Đường 9 - con đường xuyên Á” (2008), trưng bày “Sống trong bí tích - văn hóa công giáo đương đại Việt Nam” (2009) thì nhiều nhà khoa học, nhà văn, nhà chính trị đã được mời đến trình bày các vấn đề liên quan cho quảng đại công chúng. Những buổi thuyết trình, tọa đàm này đưa lại nhiều thông tin, giúp nâng cao thêm nhận thức về vấn đề quan tâm. Tuy nhiên cử tọa vẫn thường chỉ giới hạn là sinh viên được mời theo thông báo cho lớp, cho trường mà chưa lôi cuốn được đông đảo công chúng khác (mặc dù có thông báo rộng rãi cho công chúng ở bảo tàng hoặc trên trang website của BTDTHVN).

BTDTHVN chính thức ra mắt công chúng năm 1997. Những thành công của BTDTHVN là mô hình đầu tiên giúp cho việc thúc đẩy học tập suốt đời một cách tự nguyện rất có hiệu quả. Gần đây (2010) một trưng bày mới có chất lượng cao, mang đầy đủ điều kiện để công chúng có thể đến khai thác, học tập một cách dễ dàng mới ra đời - đó là hệ thống trưng bày mới của Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam. Đây là một trưng bày đẹp, hiện đại với hệ thống thông tin phong phú thông qua hệ thống bài viết đa cấp trên đại trưng bày, các chú thích hiện vật, thông tin câu chuyện hiện vật trong các hộp thông tin được đặt rải rác trong phòng trưng bày, hệ thống phim video và một phòng khám phá cho trẻ em với nhiều dữ liệu và những trải nghiệm phong phú. Chất lượng trưng bày mới với nội dung phong phú, sinh động của

Bảo tàng Phụ nữ có đầy đủ điều kiện giúp cho việc khai thác và học tập qua các di sản được trưng bày phù hợp với các đối tượng khác nhau về lứa tuổi, giới tính. Hy vọng những mô hình bảo tàng quan tâm đến công tác giáo dục và có phương pháp làm giáo dục bảo tàng ngày càng mở rộng.

Hình thức mở các lớp tập huấn, đào tạo ngắn ngày về nhiều lĩnh vực khác nhau như làm gốm, đan lát, dệt thổ cẩm và cách tạo màu và nhuộm sợi bằng nguyên liệu tự nhiên, cách làm và chơi đồ chơi dân gian... ở bảo tàng ngày càng phát triển. Trong vòng 10 năm lại đây, Chương trình Văn hóa của Văn phòng UNESCO tại Hà Nội cũng đã khuyến khích thực hiện một số dự án giáo dục di sản với các đối tác khác nhau ở Việt Nam. Ví dụ: năm 2003, Văn phòng UNESCO ở Hà Nội đã phối hợp với Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam thực hiện dự án mở lớp dạy gốm ở Bảo tàng. 50 học sinh cuối cấp tiểu học và đầu cấp trung học cơ sở đã tham gia vào lớp học được tổ chức vào thứ bảy hay chủ nhật hàng tuần. Thông qua các lớp này, các em đã được hướng dẫn tham quan, tự khảo sát làng gốm Phù Lãng, tiếp xúc phỏng vấn với những người thợ gốm trong làng, học kỹ thuật truyền thống nặn gốm và trang trí trên đồ gốm của thợ thủ công từ làng gốm Phù Lãng và họa sĩ Vũ Hữu Nhung, người duy nhất trong làng được đào tạo đại học Mỹ thuật làm gốm chuyên nghiệp. Năm 2004, tiếp nối dự án này, Bảo tàng Dân tộc học và văn phòng UNESCO Hà Nội đã tiếp tục hợp phần 2 của dự án. 16 học viên được lựa chọn cẩn thận từ những dự án trước đây để tham gia “Lớp học nâng cao” với sự hỗ trợ của thợ thủ công từ làng gốm Phù Lãng. Đồng thời, “Các lớp

học cơ bản” gồm 30 học viên là trẻ em cơ nhỡ được lựa chọn từ các trường SOS để học tập những kỹ thuật cơ bản của việc sản xuất gốm Phù Lãng. Dự án này đã giúp các em thực hành những kỹ thuật của nghề truyền thống và hình thành một số kỹ năng cơ bản, đồng thời một cuốn “Sổ tay” chứa đựng những thông tin về các giá trị lịch sử, văn hóa và thẩm mỹ của các hàng thủ công được chính các em thực hiện. Kết quả là thông qua trải nghiệm nặn gốm, trang trí trên gốm, tạo màu cùng với những chuyến dã ngoại có chủ đích tại làng gốm đã giúp các em hiểu và yêu nghề làm gốm, yêu những người thợ thủ công nắm vững di sản này. Một kết quả khác là thông qua quá trình dạy, trao đổi với học sinh, với cán bộ Bảo tàng, bản thân những người thợ gốm cũng hình thành những nhận thức mới và tự thúc đẩy nhu cầu đổi mới mẫu mã, sản phẩm cho phù hợp với thị trường mới. Tương tự như vậy, trong *Dự án phát triển du lịch bền vững ở Quảng Nam (2009 - 2011)* cũng có một lớp hướng dẫn làm các mẫu mã mới cho các sản phẩm thủ công. Lớp học này có sự tham gia của nhiều thành phần: thanh thiếu niên, nghệ nhân, các nhà thiết kế chuyên nghiệp...

Một số dự án khác cũng hướng tới việc gắn kết thể hệ trẻ với di sản thông qua việc hướng dẫn các em tham gia tìm hiểu và thực hành các hoạt động liên quan đến di sản, như: *Dự án bảo vệ Nhã nhạc cung đình Huế (2005-2008)*, trong đó có một hợp phần đào tạo học sinh về Nhã nhạc; *Dự án xây dựng hướng dẫn tham quan trung bày dành cho trẻ em và gia đình (Triển lãm của Georges Condominas)* và dự án *Giáo dục trong bảo tàng; Dự án bảo vệ không gian văn hóa công chiêng ở tỉnh Đắk Nông (2007-2010)*:

Có một hợp phần là làm đĩa DVD hướng dẫn thanh thiếu niên và người lớn tập chơi công chiêng. Đĩa DVD đang ở khâu hậu kỳ và sẽ được phát cho các trường dân tộc nội trú và các nhà văn hóa cộng đồng (Tư liệu do Văn phòng UNESSCO Hà Nội cung cấp).

Đặc biệt, gần đây nhất, Trung tâm Nghiên cứu và phát huy các giá trị di sản văn hóa (CCH) được sự tài trợ của Văn phòng UNESCO Hà Nội đã và đang tiến hành thực hiện dự án: *“Liên kết với nhà trường phát triển giáo dục di sản ở bảo tàng, di tích và các điểm văn hoá - lịch sử ở Hà Nội nhân kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội”*. Dự án này nhằm thí điểm xây dựng hệ thống tài liệu hướng dẫn cho giáo viên và cán bộ giáo dục bảo tàng/di tích để trên cơ sở đó tổ chức giáo dục di sản cho một số cụm trường trên địa bàn Hà Nội. Mục tiêu lớn nhất của dự án là tạo ra một phương thức mới để nhà trường, ngành giáo dục khai thác một cách hiệu quả các bảo tàng, di tích và các điểm văn hoá - lịch sử ở gần hay ở xung quanh nhà trường. Đồng thời giúp các bảo tàng, di tích và các điểm văn hoá - lịch sử có một phương pháp tiếp cận công chúng mới, đặc biệt có khả năng vươn tới nhà trường, tới đối tượng học sinh, sinh viên. Dự án đặc biệt chú trọng đến việc sử dụng những di sản của địa phương, những di sản xung quanh nhà trường trong việc dạy và học cho học sinh phổ thông. Hệ thống tài liệu hướng dẫn giáo viên sử dụng bảo tàng và di tích trong việc giáo dục di sản tích hợp với các môn học cho học sinh sẽ là những tài liệu mẫu để áp dụng cho các loại hình bảo tàng và di tích địa bàn Hà Nội và trên toàn quốc. Dự án gồm có ba hoạt động lớn:

1. *Xây dựng nhóm thiết kế chương trình giáo dục di sản gắn với trường học. Tổ chức các buổi hội thảo nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng và tổ chức hoạt động giáo dục di sản cho học sinh tại bảo tàng, các di tích và các điểm văn hoá - lịch sử.* Hoạt động này nhằm xây dựng và tổ chức được 2 nhóm thiết kế chương trình học và khám phá bảo tàng, di tích và di sản văn hóa - lịch sử (mỗi nhóm có 6 thành viên gồm giáo viên, cán bộ bảo tàng, di tích, cán bộ quản lý văn hóa, giáo dục - là những người có kinh nghiệm, tâm huyết với hoạt động giáo dục di sản và tự nguyện tham gia dự án); trang bị cho các thành viên trong nhóm những kiến thức cơ bản nhất, tạo sự thay đổi về nhận thức, xây dựng cái nhìn mới về phương thức giáo dục di sản, để làm cơ sở cho các hoạt động tiếp theo. Đó là việc giáo dục di sản không phải chỉ là giáo dục truyền thống, lịch sử mà là sự giáo dục đa dạng, cả khoa học tự nhiên lẫn khoa học xã hội; giáo dục di sản có khả năng tích hợp với nhiều môn học khác nhau trong nhà trường. Giáo dục di sản khuyến khích cả sự kết nối giữa các thế hệ, học sinh với phụ huynh, với các tình nguyện viên và những người nắm giữ di sản địa phương... Điều quan trọng là qua các chương trình hoạt động này, học sinh hiểu và nắm vững được cách tiếp cận với di sản và bảo tàng. Đó chính là một công cụ hữu hiệu để các em có thể tiếp cận học suốt đời<sup>3</sup>.

<sup>3</sup> Quan điểm này nhìn nhận việc tiếp cận di sản rộng hơn và đa chiều hơn so với chỉ thị “Nhà trường thân thiện, học sinh tích cực” của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; không chỉ dừng lại ở việc chăm sóc di tích và giáo dục truyền thống.

2. *Thiết kế chương trình học và khám phá ở bảo tàng, di tích và các điểm văn hoá - lịch sử và tổ chức thực hiện thí điểm tại các cụm trường và các di sản đã được lựa chọn nhằm tạo ra cách học mới.* Hoạt động này được gắn kết giữa lý thuyết và thực hành nhằm xây dựng một bộ tài liệu mẫu hướng dẫn cán bộ giáo dục bảo tàng, di tích và giáo viên thực hiện các chương trình giáo dục di sản cho học sinh. Mỗi một chương trình, thiết kế một loại (hoặc một số) tài liệu hướng dẫn riêng. Dự kiến sẽ có 2 bộ tài liệu hướng dẫn: 1 bộ dành cho cấp tiểu học; 1 bộ dành cho THCS.

3. *Hoàn thiện và xuất bản một bộ tài liệu về quy trình và phương pháp thực hiện các chương trình giáo dục di sản cho học sinh cho cán bộ giáo dục bảo tàng, di tích và giáo viên.* Hoạt động nhằm mục đích củng cố những kinh nghiệm thực tế và rút ra những bài học từ hai hoạt động trước để (i) Xuất bản dưới dạng báo cáo một bộ tài liệu về quy trình và phương pháp thực hiện các chương trình giáo dục di sản cho học sinh cho cán bộ giáo dục bảo tàng, di tích và giáo viên và (ii) Khuyến nghị các nhà hoạch định chính sách, quản lý văn hóa và giáo dục đổi mới cách liên kết giữa trường học và các bảo tàng và di sản. Dự án sẽ kết thúc vào tháng 11/2011.

Hiện tại dự án đã hoàn thiện Hoạt động 1 với 2 bản đề xuất kế hoạch thiết kế chương trình học cho học sinh: Một dành cho học sinh lớp 6 học tập tại Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam và một dành cho học sinh lớp 1 học tập tại di tích chùa Láng, thuộc quận Đống Đa, Hà Nội.

Một cố gắng nữa trong việc gắn kết di sản với mục đích học tập suốt đời trong những năm gần đây đó là sự ra đời và mở rộng website về di sản như website của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, Hội Di sản văn hóa... Mặc dù chưa thật sự đáp ứng được nhu cầu của công chúng trong việc tìm hiểu, tra cứu phục vụ cho việc nghiên cứu, học tập, nhưng đây cũng là một bước khởi đầu đáng mừng. Chúng tôi muốn dừng lại nói kỹ về trường hợp Trung tâm Di sản các nhà khoa học Việt Nam. Trung tâm được thành lập năm 2008. Đây là một đơn vị phi nhà nước, tư nhân được thành lập bởi tâm huyết của một nhóm các nhà khoa học thuộc lĩnh vực y học. Trung tâm có chức năng nghiên cứu, bảo tồn và lưu giữ những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể thông qua tiểu sử, ký ức, tư liệu và hiện vật cá nhân của các nhà khoa học Việt Nam. Mục tiêu lớn nhất của Trung tâm là tiến tới xây dựng một Bảo tàng và Trung tâm lưu trữ tư liệu, di sản của các nhà khoa học Việt Nam. Ngay sau khi đi vào hoạt động, Trung tâm đã định hướng việc đầu tiên là cần xây dựng một trang thông tin điện tử tổng hợp nhằm: (i) Tạo một cơ sở dữ liệu phục vụ trên mạng cho các hoạt động nghiên cứu, học tập, cho tất cả những ai quan tâm tới lịch sử của đất nước, của các ngành khoa học thông qua di sản của các nhà khoa học; (ii) Mở ra các cấp thông tin cho độc giả trong và ngoài nước tìm hiểu về sự phát triển của các ngành khoa học thông qua di sản của các nhà khoa học; (iii) Tạo một diễn đàn giao lưu, trao đổi về các nhà khoa học. Đến nay, trang website này đã chính thức ra mắt độc giả với tên miền: <http://cpd.vn>. Nội dung chính của trang thông tin điện tử tổng hợp là:

- Cung cấp hồ sơ dữ liệu về các nhà khoa học: Lý lịch khoa học; Các công trình khoa học đã công bố; Các tư liệu về cuộc đời và hoạt động khoa học của các nhà khoa học. Đặc biệt cung cấp cho công chúng được tiếp cận với những di sản ký ức của các nhà khoa học Việt Nam ở các thể hệ khác nhau thông qua các cuộc phỏng vấn ghi âm hay video.

- Thông tin cập nhật về các nhà khoa học thông qua các trang thông tin điện tử khác.

- Tổ chức các trưng bày ảo về các nhà khoa học.

Trang website đang trong quá trình hoàn thiện và mở rộng và đây sẽ là mô hình rất tốt cho việc học tập suốt đời. Đồng thời, nó cũng có thể trở thành một hình mẫu cho các bảo tàng, di tích chưa có điều kiện để thực hiện các trưng bày thực cho công chúng.

Trên đây là một số kinh nghiệm bước đầu mà một số bảo tàng, di tích và các tổ chức xã hội khác đã tiếp cận với di sản để thúc đẩy việc học tập. Chắc trên thực tế kinh nghiệm còn có nhiều và phong phú hơn. Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi chỉ dừng lại trình bày chủ yếu những trải nghiệm trực tiếp của chúng tôi.

### **Kết luận**

Mặc dù đã có những bước khởi đầu đáng khích lệ, nhưng phần lớn các hoạt động giáo dục thông qua di sản và bảo tàng mới dừng lại ở đối tượng là học sinh và thế hệ trẻ. Đa phần các bảo tàng còn chưa làm tốt công tác này; chưa có người và tổ chức chuyên trách cho công tác phát triển các

chương trình giáo dục ở bảo tàng. Nhận thức cũng cần thay đổi: giáo dục di sản không chỉ là giáo dục truyền thống, lịch sử mà là sự giáo dục đa dạng, cả khoa học tự nhiên lẫn khoa học xã hội; giáo dục di sản khuyến khích sự kết nối giữa các thế hệ, học sinh với phụ huynh, với các tình nguyện viên, với những người nắm giữ di sản. Về phía nhà trường việc khai thác bảo tàng cũng làm chưa tốt, chủ yếu là hình thức, chưa biết lấy bảo tàng là nơi tích hợp cho việc củng cố và mở rộng kiến thức tất cả/nhiều môn học trong nhà trường. Thực sự giáo dục di sản có khả năng tích hợp với nhiều môn học khác nhau trong nhà trường. Nhà trường cần thay đổi lại căn bản cách tiếp cận với bảo tàng và di sản. Có vậy mới có thể đào tạo được một thế hệ mới có phương pháp tiếp cận đúng đắn/hợp lý với di sản và bảo tàng, giúp cho họ một công cụ, một phương hướng để học tập suốt đời. Đây là một mảng trống cần khóa lấp.

Các hoạt động nhằm khuyến khích người lớn và các tầng lớp xã hội khác tiếp cận di sản trong học tập suốt đời còn ở tình trạng kém hơn so với nhà trường. Làm thế nào để những người lớn tuổi tự nguyện đến với bảo tàng? Làm thế nào để có nhiều gia đình đưa con em đến bảo tàng, di tích và các di sản khác? Ở đây vẫn còn nhiều lúng túng và chưa được xã hội quan tâm đúng mức. Trong khi tiềm năng thì to lớn, việc tăng cường học tập, nâng cao hiểu biết của người lớn thông qua việc tiếp cận đa dạng với di sản văn hóa và di sản thiên nhiên ngày càng trở nên quan trọng thì một trong những vấn đề cấp bách đặt ra hiện nay là phải cấp tốc xây dựng/thiết lập phương pháp tiếp cận học

tập suốt đời cho người lớn đối với các loại hình di sản và bảo tàng. Hiện chưa có một tổ chức nào đứng ra nghiên cứu, xây dựng và thiết kế những bộ công cụ nhằm hướng dẫn khai thác các giá trị di sản, bảo tàng một cách hữu hiệu nhất phục vụ cho việc học tập suốt đời... Đây là một yêu cầu mà cả ngành văn hóa và ngành giáo dục cần phối hợp để phát triển không những về chương trình, phương pháp mà cả về nguồn nhân lực thực hiện công tác này.

Theo chúng tôi cũng cần thiết phải sớm xây dựng một số mô hình học tập suốt đời cho người lớn ở các môi trường khác nhau (như nông thôn, thành phố, ven biển, miền núi, các dân tộc...) thích hợp với các loại hình khác nhau như di tích, bảo tàng, di sản thiên nhiên và những di sản sống hoạt động từ các ngành nghề, lĩnh vực khác nhau. Từ những mô hình này, rút kinh nghiệm mà mở rộng dần ra trong cả nước.

Điều quan trọng hàng đầu hiện nay là cần có biện pháp nâng cao chất lượng trưng bày và hàm lượng thông tin trong các bảo tàng và di tích, làm cho những nơi này không những thực sự hấp dẫn, cuốn hút người xem mà còn là những trường học thực tế để bất cứ ai đến đó cũng có thể học được những điều rất bổ ích cho cuộc sống, công việc của mình.

Cuối cùng là vấn đề tìm kiếm các biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao nhận thức xã hội của mỗi người, cả giới trẻ và người lớn về những cơ hội học tập thông qua di sản và bảo tàng. Từ di sản và từ bảo tàng người ta có thể tiếp cận học được các kiến thức rất phong phú và đa dạng; học cả về tự nhiên và xã hội, cả về lịch sử và văn hóa, học về

những gì cuộc sống đang diễn ra ngày hôm nay. Việc học này có thể ở mọi nơi, mọi lúc và thích hợp mà không phân biệt trình độ, lứa tuổi, giới tính, dân tộc. Cơ hội để nâng cao tri thức qua di sản là rất lớn vì vậy có thể đưa ra một thông điệp mới cho xã hội là: “Hãy nắm lấy cơ hội nâng cao dân trí từ các di sản và bảo tàng”.

Để kết thúc bài viết này, chúng tôi đề xuất một số giải pháp mang tính định hướng sau:

- Giải quyết vấn đề khái niệm, nhận thức: Thế nào là học suốt đời; phương pháp học tập và học tập suốt đời từ bảo tàng, từ di sản. Bộ Giáo dục, UNESCO cần có công cụ và chiến lược truyền thông về vấn đề này.

- Mọi thiết chế văn hóa quản lý di sản nhất thiết phải có chương trình giáo dục, phải coi việc nghiên cứu xây dựng chương trình giáo dục là nhiệm vụ hàng đầu để triển khai chiến lược học suốt đời.

- Thiết lập mạng lưới hợp tác giữa các cơ quan giáo dục và văn hóa để thực hiện chiến lược học suốt đời.

- Ngành Bảo tàng phải phát triển, kiện toàn củng cố về loại hình bảo tàng, chất lượng bảo tàng và nguồn lực con người cho việc thực hiện chiến lược học suốt đời.

### Tài liệu tham khảo

1. Các thông tin tư liệu do Văn phòng UNESCO Hà Nội cung cấp.

2. Nguyễn Văn Huy (2005), *Từ Dân tộc học đến Bảo tàng Dân tộc học - con đường nghiên cứu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

3. Kế hoạch liên ngành số 7575/KHLN/BGDĐT-BVHTTDL-TUĐTN ngày 19/8/2008 giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về việc triển khai phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

4. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Bảo tàng và Nhân học đô thị.

5. Strong, P. T. (1997), “Exclusive Labels: Indexing the National “We” in Commemorative and Oppositional Exhibitions” (Những bài viết độc quyền: Liệt kê những từ “chúng ta” mang tính quốc gia trong các trưng bày tưởng niệm và đối lập), *Museum Anthropology: Journal of the Council for Museum Anthropology* 21: 42-56 (*Nhân học bảo tàng: Tạp chí của Hội đồng nhân học bảo tàng* 21, tr. 42-56).

6. Trang website của Hội Di sản văn hóa Việt Nam: [www.hoidisan.vn](http://www.hoidisan.vn).



Một góc đền Gióng (Sóc Sơn, Hà Nội)